

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05-02-2021.
V/v: “Ly hôn giữa chị S và anh L”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Thanh.

Bà Bùi Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 202/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/12/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị S; Sinh năm: 1987 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: SN 9B/12, ngõ C, phường V, Thành phố N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Phạm Văn L; Sinh năm: 1984(*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Xóm 21, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/11/2020 được bổ sung tại bản tự khai ngày 08/12/2020, nguyên đơn chị Mai Thị S trình bày: Chị và anh Phạm Văn L kết hôn vào ngày 24/9/2009, quá trình tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống. Do không chịu được cuộc sống chung vợ chồng như vậy nên vợ chồng sống ly thân khoảng 3 tháng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L đã thực sự đổ vỡ, không có khả năng hàn gắn đoàn

tụ. Vì vậy, chị đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn L.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Phạm Ngọc Minh Q, sinh ngày 26/02/2012. Hiện các con chung đang ở cùng chị. Nay ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản; công nợ chung: vợ chồng không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Mai Thị S vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai bị đơn bị đơn anh Phạm Văn L có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau: Anh và chị Mai Thị S kết hôn vào năm 2009, quá trình tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống. Do không chịu được cuộc sống chung vợ chồng như vậy nên vợ chồng sống ly thân khoảng 3 tháng gần đây. Nay chị S xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: anh chị có 01 con chung là Phạm Ngọc Minh Q, sinh ngày 26/02/2012. Hiện các con chung đang ở cùng chị. Nay ly hôn, anh nhường quyền nuôi con chung cho chị S.

Về tài sản; công nợ chung: vợ chồng không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Phạm Văn L vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại biên bản xác minh với UBND xã Tân Thịnh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định: Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của chị S và anh L, UBND xã không nắm được do các đương sự nộp đơn tại Tòa án, địa phương không tổ chức hòa giải.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho ly hôn giữa chị Mai Thị S và anh Phạm Văn L. Về con chung: Giao cho chị Mai Thị S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Ngọc Minh Q, sinh ngày 26/02/2012. Anh L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mai Thị S phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Mai Thị S, anh Phạm Văn L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về việc kết hôn: Chị Mai Thị S và anh Phạm Văn L kết hôn vào ngày 24 tháng 09 năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Nam Định. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng có thời gian sống ly thân không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Nay chị S xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn; chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, anh L nhất trí. Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị S và anh L nếu có duy trì thì mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Mai Thị S đối với anh Phạm Văn L.

[4] Về con chung: Vợ chồng 01 con chung là Phạm Ngọc Minh Q, sinh ngày 26/02/2012. Hiện các con chung đang ở cùng chị S. Trên cơ sở xem xét yêu cầu của các đương sự cũng như ý kiến của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Để đảm bảo sự ổn định và phát triển toàn diện của các con chung nên giao con chung cho chị Sim tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị S không yêu cầu anh Lược cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị S và anh L xác định vợ chồng không có tài sản, công nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mai Thị S phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Mai Thị S, anh Phạm Văn L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông báo chấp thuận bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Mai Thị S và anh Phạm Văn L.

2.Về con chung: Giao cho chị Mai Thị S tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Ngọc Minh Q, sinh ngày 26/02/2012. Chấp nhận sự tự nguyện của chị S không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Phạm Văn L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mai Thị S phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực theo biên lai thu số 0000352 ngày 04/12/2020.

4.Về quyền kháng cáo: Chị Mai Thị S, anh Phạm Văn L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THA huyện Nam Trực;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Mạnh Cường

